

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG  
ĐIỆN VNECO3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số 21/2025CBTT-VNECO3

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 28 tháng 10 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO3 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO3

- Mã chứng khoán: VE3
- Địa chỉ: Khối Trung Đô 3 – Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02383 855 619 Fax: 02383 855 263
- Email: [hdqtvneco3@gmail.com](mailto:hdqtvneco3@gmail.com) Website: <https://vneco3.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2025

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/10/2025 tại đường dẫn: vneco3.com.vn

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);

- Ngày hoàn thành giao dịch:

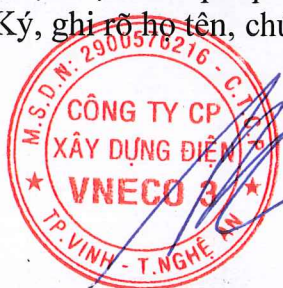
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC quý 2 năm 2025

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Bùi Đức Long

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 37



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam). Quyết định số 122/2033/QĐ-BCN ngày 11/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp điện 3 thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3. Sau đó Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900576216 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20/11/2003, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 06 ngày 08/06/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06 ngày 08/6/2023 là: 13.197.100.000 VND (*Bằng chữ: Mười ba tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, một trăm nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu VE3. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, cổ phiếu VE3 thuộc diện bị cảnh báo theo Quyết định số 1080/QĐ-SGDHN ngày 09/9/2025; diện bị kiểm soát theo Quyết định số 1113/QĐ-SGDHN ngày 18/9/2025 và diện bị hạn chế giao dịch theo Quyết định số 1210/QĐ-SGDHN ngày 03/10/2025 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty: Khối 3, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đào Ngọc Quỳnh	Chủ tịch
Ông Trần Đức Thanh	Ủy viên
Ông Trương Thường Thịnh	Ủy viên
Bà Võ Hồng Cẩm Tú	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 05/5/2025)
Ông Bùi Quang Thành	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 05/5/2025)

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Thế Tam	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Vinh	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Đức Thanh	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trọng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Mạnh Xuân Kỳ	Phó Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Trần Đức Thanh**  
**Giám đốc**

Nghệ An, ngày 24 tháng 10 năm 2025



Số: 435/2025/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 được lập ngày 24 tháng 10 năm 2025, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vũ Ngọc Ân****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>161.151.329.056</b>	<b>183.425.871.326</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>8.718.485.979</b>	<b>23.883.493.806</b>
1. Tiền	111		2.263.485.979	18.428.493.806
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.455.000.000	5.455.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	1.200.000.000	1.200.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>93.271.480.839</b>	<b>105.939.528.724</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	54.366.017.599	63.037.444.981
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	22.032.764.164	24.935.051.305
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	20.066.915.597	19.276.209.281
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(3.194.216.521)	(1.309.176.843)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>56.399.260.437</b>	<b>51.320.310.805</b>
1. Hàng tồn kho	141		57.209.020.310	51.390.371.667
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(809.759.873)	(70.060.862)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.562.101.801</b>	<b>1.082.537.991</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	84.041.085	161.149.634
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.285.082.871	728.410.512
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	192.977.845	192.977.845
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+230+260)	<b>200</b>		<b>9.365.843.021</b>	<b>9.788.327.555</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.602.488.046</b>	<b>5.958.111.659</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	5.602.488.046	5.958.111.659
- Nguyên giá	222		17.854.444.979	17.854.444.979
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.251.956.933)	(11.896.333.320)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.10</b>	<b>3.486.000.000</b>	<b>3.486.000.000</b>
1. Nguyên giá	231		3.486.000.000	3.486.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>277.354.975</b>	<b>344.215.896</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	277.354.975	344.215.896
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>170.517.172.077</b>	<b>193.214.198.881</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>155.300.891.458</b>	<b>173.937.145.998</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>153.766.208.052</b>	<b>172.327.462.592</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	49.922.864.488	59.194.991.977
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	28.867.565.617	37.192.776.422
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	761.944.197	597.856.911
4. Phải trả người lao động	314		1.375.104.504	2.766.808.250
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	3.927.156.375	10.292.215.452
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	2.331.729.274	2.309.762.774
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	66.425.345.189	59.810.368.886
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		74.950.127	74.950.127
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		79.548.281	87.731.793
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.534.683.406</b>	<b>1.609.683.406</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	409.683.406	409.683.406
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	1.125.000.000	1.200.000.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>15.216.280.619</b>	<b>19.277.052.883</b>
<b>(400 = 410)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>15.216.280.619</b>	<b>19.277.052.883</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.197.100.000	13.197.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		13.197.100.000	13.197.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.860.000	8.860.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.544.508.710	2.544.508.710
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(534.188.091)	3.526.584.173
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		3.501.132.685	3.272.069.288
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(4.035.320.776)	254.514.885
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>170.517.172.077</b>	<b>193.214.198.881</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Người lập

Kế toán trưởng

Nghệ An, ngày 24 tháng 10 năm 2025

Giám đốc

Bùi Đức Long

Bùi Đức Long

Trần Đức Thanh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	56.584.027.645	54.020.086.303
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		56.584.027.645	54.020.086.303
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	53.825.087.613	50.925.600.151
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.758.940.032	3.094.486.152
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	213.213.968	244.683.986
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.713.790.051	1.580.771.735
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.702.950.792	1.539.462.115
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	4.236.844.794	1.422.432.533
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(3.978.480.845)	335.965.870
11. Thu nhập khác	31	6.6	36.906.822	64.507.342
12. Chi phí khác	32	6.6	93.746.753	94.831.745
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(56.839.931)	(30.324.403)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(4.035.320.776)	305.641.467
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	227.258.543
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(4.035.320.776)	78.382.924
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(3.057,73)	49,75
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	(1.186,86)	49,75

Nghệ An, ngày 24 tháng 10 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Đức Long



Bùi Đức Long



Trần Đức Thanh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(4.035.320.776)	305.641.467
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		355.623.613	381.730.447
- Các khoản dự phòng	03		2.624.738.689	(265.859.754)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(82.208.702)	(29.074.247)
- Chi phí lãi vay	06		2.702.950.792	1.539.462.115
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.565.783.616	1.931.900.028
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.226.335.848	8.371.464.553
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.818.648.643)	(10.514.618.475)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(25.156.230.892)	(22.570.853.764)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		143.969.470	86.597.582
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.714.767.231)	(2.156.389.148)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(482.287.059)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(33.635.000)	(43.813.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(21.787.192.832)	(25.377.999.283)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		82.208.702	7.617.129
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		82.208.702	7.617.129
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		44.762.395.515	39.699.334.485
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(38.222.419.212)	(33.260.246.347)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.539.976.303	6.439.088.138
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(15.165.007.827)	(18.931.294.016)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	23.883.493.806	20.150.876.115
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	5.1	8.718.485.979	1.219.582.099

Nghe An, ngày 24 tháng 10 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Đức Long

Bùi Đức Long

Trần Đức Thanh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 tiền thân là Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam). Quyết định số 122/2033/QĐ-BCN ngày 11/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp điện 3 thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3. Sau đó Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900576216 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20/11/2003, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 06 ngày 08/06/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06 ngày 08/06/2023 là: 13.197.100.000 VND (Bằng chữ: Mười ba tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, một trăm nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu VE3. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, cổ phiếu VE3 thuộc diện bị cảnh báo theo Quyết định số 1080/QĐ-SGDHN ngày 09/9/2025; diện bị kiểm soát theo Quyết định số 1113/QĐ-SGDHN ngày 18/9/2025 và diện bị hạn chế giao dịch theo Quyết định số 1210/QĐ-SGDHN ngày 03/10/2025 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty: Khối 3, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Số lao động tại ngày 30/6/2025 là 48 người (tại ngày 31/12/2024 là 71 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây và trạm biến áp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi; Xây dựng các nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xử lý nền móng công trình;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở và dân dụng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất cột điện bê tông, cống bê tông ly tâm, cống rung lắc và các sản phẩm từ bê tông;
- Sản xuất các kết cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Xây dựng các đường dây và trạm biến áp.

**1.3 Chu kỳ sản xuất kinh, doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận các giao dịch bằng ngoại tệ**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ: Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào ngoại tệ của các ngân hàng Công ty giao dịch tại ngày 30/6/2025;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng Công ty giao dịch tại ngày 30/6/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 50
Máy móc, thiết bị	08 - 15
Phương tiện, vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất ở lâu dài tại thửa số 288, tờ bản đồ 35 tại xã Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**Cho thuê tài sản****Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời hạn sử dụng.

Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

**Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Trích trước chi phí xây dựng theo các biên bản nghiệm thu khối lượng.
- Chi phí khác: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở hợp đồng, khối lượng công việc hoàn thành.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là Khoản chi phí bảo hành thi công công trình.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và được Đại hội cổ đông phê duyệt.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hợp đồng xây dựng.

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	9.583.278	309.583.454
Tiền gửi ngân hàng	2.253.902.701	18.118.910.352
Các khoản tương đương tiền	6.455.000.000	5.455.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	6.455.000.000	5.455.000.000
<b>Tổng</b>	<b>8.718.485.979</b>	<b>23.883.493.806</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam với lãi suất từ 1,6% đến 1,9%/năm.

Giá trị các khoản tương đương tiền dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 6.455.000.000 VND (tại ngày 01/01/2025 là 3.400.000.000 VND).

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An với lãi suất từ 4,7% đến 5,1%/năm.

Giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 1.200.000.000 VND (tại ngày 01/01/2025 là 0 VND).

**5.3 Phải thu khách hàng**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>54.366.017.599</b>	<b>63.037.444.981</b>
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng	1.303.509.754	1.289.719.250
Thương Mại Lâm Trang	14.330.332.286	15.912.991.341
Tổng công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	2.820.967.653	2.820.967.653
Công ty điện lực Nghệ An-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	6.363.393.399	6.723.393.399
Công ty Cổ phần Tài chính và Phát triển Năng Lượng	74.453.576	1.531.578.434
Công ty Cổ phần thương mại Xây lắp công nghiệp Thăng Long	14.925.308.845	21.588.626.573
Ban quản lý dự án công trình điện miền Bắc	14.548.052.086	13.170.168.331
Phải thu khách hàng khác		
<b>Tổng</b>	<b>54.366.017.599</b>	<b>63.037.444.981</b>

Trong đó:

**Phải thu khách hàng là bên liên quan**  
 (Chi tiết tại thuyết minh 7.1)

**14.652.376.443**      **15.993.185.898**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.4 Trả trước cho người bán**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>22.032.764.164</b>	<b>24.935.051.305</b>
Công ty CP Kinh doanh TM và ĐT Xây dựng Đại Thành Phát	6.270.737.060	8.513.183.657
Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dũng	3.903.245.172	3.990.678.238
Công ty CP Xây dựng điện VNECO4	637.900.680	721.021.249
Công ty TNHH Đồng Vĩnh Thịnh	4.698.244.115	5.624.667.609
Trả trước người bán khác	6.522.637.137	6.085.500.552
<b>Tổng</b>	<b>22.032.764.164</b>	<b>24.935.051.305</b>

Trong đó:

Trả trước người bán là bên liên quan  
(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)

637.900.680 721.021.249

**5.5 Phải thu khác**

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>20.066.915.597</b>	<b>(1.885.539.678)</b>	<b>19.276.209.281</b>	<b>(500.000)</b>
Tạm ứng	16.206.160.603	(1.885.039.678)	14.759.304.322	-
Ký cược, ký quỹ	3.394.176.132	-	3.623.927.424	-
Phải thu khác	466.578.862	(500.000)	892.977.535	(500.000)
Phí bảo lãnh tạm ứng DZ và TBA 220kv Việt Trì Tam Dương Bá Thiện	249.406.394	-	249.406.394	-
Phải thu khác	217.172.468	(500.000)	643.571.141	(500.000)
<b>Tổng</b>	<b>20.066.915.597</b>	<b>(1.885.539.678)</b>	<b>19.276.209.281</b>	<b>(500.000)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Khởi 3, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.6 Nợ xấu**

		30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)		Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
		Thời gian quá hạn		Thời gian quá hạn						
Công ty Cổ phần Việt Á Nghĩa Dân		Trên 3 năm	227.472.400	(227.472.400)	-	-	Trên 3 năm	227.472.400	(227.472.400)	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Á		Trên 3 năm	126.816.013	(126.816.013)	-	-	Trên 3 năm	126.816.013	(126.816.013)	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng		Trên 3 năm	63.045.500	(63.045.500)	-	-	Trên 3 năm	63.045.500	(63.045.500)	-
Lê Tiến Thông - XD Thông Châu Hà Tĩnh		Trên 3 năm	53.772.168	(53.772.168)	-	-	Trên 3 năm	53.772.168	(53.772.168)	-
Các đối tượng khác			6.368.227.358	(2.723.110.440)	3.645.116.918			838.070.762	(838.070.762)	-
<b>Tổng</b>			<b>6.839.333.439</b>	<b>(3.194.216.521)</b>	<b>3.645.116.918</b>			<b>1.309.176.843</b>	<b>(1.309.176.843)</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.103.165.179	(31.428.690)	17.883.776.345	(31.428.690)
Công cụ, dụng cụ	38.785.960	(1.878.552)	37.533.460	(1.878.552)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	50.882.321.211	(745.423.254)	31.387.936.134	(5.724.243)
Thành phẩm	2.184.747.960	(31.029.377)	2.081.125.728	(31.029.377)
<b>Tổng</b>	<b>57.209.020.310</b>	<b>(809.759.873)</b>	<b>51.390.371.667</b>	<b>(70.060.862)</b>

**5.8 Chi phí trả trước**

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>84.041.085</b>	<b>161.149.634</b>
Chi phí bảo hiểm	40.774.070	81.506.780
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	43.267.015	79.642.854
<b>Dài hạn</b>	<b>277.354.975</b>	<b>344.215.896</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	77.524.674	78.789.632
Chi phí sửa chữa	169.540.595	224.297.299
Chi phí thu xếp vốn chờ phân bổ	30.289.706	41.128.965
<b>Tổng</b>	<b>361.396.060</b>	<b>505.365.530</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Khối 3, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2025	4.227.035.569	8.257.797.549	5.244.915.908	124.695.953	17.854.444.979
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	4.227.035.569	8.257.797.549	5.244.915.908	124.695.953	17.854.444.979
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2025	3.712.460.281	4.845.099.033	3.217.341.942	121.432.064	11.896.333.320
Tăng trong kỳ	23.670.304	206.146.377	123.456.932	2.350.000	355.623.613
Khấu hao trong kỳ	23.670.304	206.146.377	123.456.932	2.350.000	355.623.613
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	3.736.130.585	5.051.245.410	3.340.798.874	123.782.064	12.251.956.933
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2025	514.575.288	3.412.698.516	2.027.573.966	3.263.889	5.958.111.659
Tại 30/6/2025	490.904.984	3.206.552.139	1.904.117.034	913.889	5.602.488.046

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2025 là 4.585.251.220 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 2.813.515.317 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 8.302.648.369 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 8.302.648.369 đồng).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>a. Bất động sản đầu tư</b>				
Nguyên giá	3.486.000.000	-	-	3.486.000.000
- Quyền sử dụng đất	3.486.000.000	-	-	3.486.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	3.486.000.000	-	-	3.486.000.000
- Quyền sử dụng đất	3.486.000.000	-	-	3.486.000.000

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất ở lâu dài tại thửa số 288, tờ bản đồ 35 tại Phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại ngày 30/6/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư, chưa trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty, tuy nhiên dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này và giá trị thị trường, Công ty đánh giá rằng giá trị thị trường của các bất động sản đầu tư này đang cao hơn giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**5.11 Phải trả người bán**

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	49.922.864.488	49.922.864.488	59.194.991.977	59.194.991.977
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	2.572.302.198	2.572.302.198	2.561.462.939	2.561.462.939
Công ty TNHH Nhật Quang Huy	4.440.843.236	4.440.843.236	7.310.510.313	7.310.510.313
Công ty TNHH phát triển năng lượng Đà Nẵng	1.479.558.030	1.479.558.030	1.479.558.030	1.479.558.030
Công ty CP xây dựng điện VNECO2	776.162.163	776.162.163	1.756.588.176	1.756.588.176
Công ty CP Đầu tư và Phát triển 678	265.769.198	265.769.198	265.769.198	265.769.198
Chi nhánh Công ty TNHH xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Bình Minh tại Thanh Hóa	775.449.573	775.449.573	775.449.573	775.449.573
Công ty CP Xây dựng Hùng An	3.616.062.937	3.616.062.937	3.967.508.147	3.967.508.147
Công ty TNHH Xây dựng Minh Hoạt	2.256.262.175	2.256.262.175	8.245.847.866	8.245.847.866
Công ty cổ phần Xây dựng số 4 Yên Bái	6.437.193.481	6.437.193.481	6.437.193.481	6.437.193.481
Phải trả người bán khác	27.303.261.497	27.303.261.497	26.395.104.254	26.395.104.254
<b>Dài hạn</b>	409.683.406	409.683.406	409.683.406	409.683.406
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	409.683.406	409.683.406	409.683.406	409.683.406
<b>Tổng</b>	<b>50.332.547.894</b>	<b>50.332.547.894</b>	<b>59.604.675.383</b>	<b>59.604.675.383</b>

*Trong đó:*

**Phải trả người bán là các bên liên quan**

*(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*

2.981.985.604	2.981.985.604	2.971.146.345	2.971.146.345
---------------	---------------	---------------	---------------



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.12 Người mua trả tiền trước**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>28.867.565.617</b>	<b>37.192.776.422</b>
BQLDA Xây dựng điện miền Bắc - Chi nhánh	1.916.458.958	1.139.340.242
Tổng công ty điện lực miền Bắc	25.618.126.787	35.318.273.733
Tổng Công ty điện lực Miền Nam TNHH	1.332.979.872	735.162.447
Người mua trả tiền trước khác		
<b>Tổng</b>	<b>28.867.565.617</b>	<b>37.192.776.422</b>

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

	01/01/2025 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2025 VND
<b>Phải nộp</b>	<b>597.856.911</b>	<b>219.223.736</b>	<b>55.136.450</b>	<b>761.944.197</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	569.183.633	-	-	569.183.633
Thuế thu nhập cá nhân	28.673.278	36.063.990	52.136.450	12.600.818
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	180.159.746	-	180.159.746
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>192.977.845</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>192.977.845</b>
Thuế giá trị gia tăng	192.977.845	-	-	192.977.845

**5.14 Chi phí phải trả**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.927.156.375</b>	<b>10.292.215.452</b>
Trích trước CT Trạm biến áp 220 kV Bá Thiện (gói 13)	-	6.506.781.327
Trích trước CT ĐZ và TBA 110kV Nghi Lộc	400.000.000	1.423.202.911
Trích trước CT ĐZ và TBA 110kV Phú Thuận - Bình Đại	-	1.500.000.000
Trích trước chi phí đường dây 500kV Vĩnh Yên	2.937.036.375	-
Trích trước chi phí khác	590.120.000	862.231.214
<b>Tổng</b>	<b>3.927.156.375</b>	<b>10.292.215.452</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.15 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.331.729.274</b>	<b>2.309.762.774</b>
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội	131.224.780	127.408.980
Bảo hiểm xã hội	270.051.751	478.740.560
Bảo hiểm y tế	49.571.326	87.889.443
Bảo hiểm thất nghiệp	53.049.691	67.717.653
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.827.831.726	1.548.006.138
- Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	1.241.478.230	1.252.317.489
- Các đối tượng khác	586.353.496	295.688.649
<b>Tổng</b>	<b>2.331.729.274</b>	<b>2.309.762.774</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác là bên liên quan</i>	<i>1.241.478.230</i>	<i>1.252.317.489</i>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>		



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3  
Khối 3, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2025 (VND)		Phát sinh trong kỳ (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	66.425.345.189	66.425.345.189	44.762.395.515	38.147.419.212	59.810.368.886	59.810.368.886
- Chi nhánh TP Vinh (1)	1.583.769.914	1.583.769.914	1.905.879.914	3.055.001.000	2.732.891.000	2.732.891.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam	29.687.122.313	29.687.122.313	11.846.224.332	10.426.796.905	28.267.694.886	28.267.694.886
- Chi nhánh Nghệ An (2)	29.963.038.936	29.963.038.936	26.340.530.968	18.273.273.033	21.895.781.001	21.895.781.001
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh TP Vinh (3)	3.494.609.898	3.494.609.898	86.452.000	590.452.000	3.998.609.898	3.998.609.898
Bà Trần Thị Kim Hoa (4)	1.696.804.128	1.696.804.128	4.583.308.301	5.801.896.274	2.915.392.101	2.915.392.101
Vay cá nhân khác (4)	1.125.000.000	1.125.000.000	-	75.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam	1.125.000.000	1.125.000.000	-	75.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
- Chi nhánh Nghệ An (5)	67.550.345.189	67.550.345.189	44.762.395.515	38.222.419.212	61.010.368.886	61.010.368.886
Tổng						

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT442-VNECO3 ngày 16/7/2024 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh và Công ty CP Xây dựng điện VNECO3 với hạn mức cho vay là 5.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức: đến hết ngày 16/7/2025. Thời hạn vay: Tối đa không quá 12 tháng. Lãi suất cho vay được xác định theo từng giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo: Quy định tại các Hợp đồng đảm bảo đã ký với Ngân hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Khối 3, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(2) Công ty vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Nghệ An theo hai hợp đồng cấp tín dụng hạn mức sau:

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 82/2025/HDDTD/VNH ngày 17/3/2025 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Nghệ An và Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 với hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 đồng (Hạn mức cho vay: 35.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh: 60.000.000.000 đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công công trình. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay được xác định theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Ký quỹ và các biện pháp đảm bảo khác: Quy định tại các Hợp đồng đảm bảo đã ký và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 81/2025/HDDTD/VNH ngày 17/3/2025 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Nghệ An và Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng (Hạn mức cho vay: 20.000.000.000 đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công công trình theo hợp đồng số 34/HĐ-EVN-SPC-LD VNECO3- DUCILINH ngày 16/4/2024; Gói 08-PTBĐ về việc cung cấp, xây dựng, lắp đặt VTTB công trình đường dây 110kV Phú Nhuận - Bình Đại (bao gồm thí nghiệm đo thông số đường dây, tính toán chỉnh định role, lập phương thức đóng điện vận hành và xử lý sự cố phần mở rộng ngắn lộ) thuộc Công trình: Đường dây 110kV Phú Nhuận - Bình Đại dự án AFD giữa Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH với liên danh Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 và Công ty CP Xây dựng công trình Đức Linh. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay được xác định theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Ký quỹ và các biện pháp đảm bảo khác: Quy định tại các Hợp đồng đảm bảo đã ký và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

(3) Hợp đồng cấp tín dụng số 265800.24.814.4530380.TD ngày 06/12/2024 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Nghệ An và Công ty CP Xây dựng điện VNECO3 với hạn mức tín dụng là 90.000.000.000 đồng (Hạn mức cho vay: 30.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán: 10.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán: 60.000.000.000 đồng). Mục đích sử dụng vốn vay là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh điện của khách hàng. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng thế chấp số 265820.24.814.4530380.BD; Hợp đồng tiền gửi số 54989.23.812.4530380.TG.DN do Ngân hàng TMCP Hàng hóa và quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 265820.24.814.4530380.BD; Hợp đồng tiền gửi số DD 554761; Cơ quan cấp: Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An Quân đội phát hành ngày 13/12/2023; Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 554761; Sở quan cấp: Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An - Văn phòng An cấp ngày 25/11/2021 cấp cho ông Nguyễn Văn Tuấn và bà Nguyễn Thị Thúy Vinh, ngày 12/01/2022, Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An - Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An xác nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty CP Xây dựng viện VNECO3 theo hồ sơ số 007942.CN.001; Ô tô con theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 118442, biển kiểm soát 37A-694.73 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 18/6/2020 và Hợp đồng tiền gửi số 53792.23.812.4530380.TG.DN do Ngân hàng TMCP Quân đội phát hành ngày 10/11/2023.

(4) Các khoản vay cá nhân để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh, lãi suất khoản vay từ 8,7% đến 10,5%/năm.

(5) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 373/2024/HDDTD/VNH ngày 19/12/2024 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Nghệ An và Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 với số tiền vay là 1.200.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán một phần tiền mua 01 xe ô tô phục vụ hoạt động đi lại theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 1600050575 ngày 20/11/2024 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hòa Bình Minh. Thời hạn vay: 96 tháng. Lãi suất cho vay được xác định theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Hợp đồng đảm bảo số 31/2020/HĐBĐ/VNH/01 ngày 19/12/2024, các hợp đồng đảm bảo đã ký kết trước, trong và sau ngày hiệu lực hợp đồng vay này và các hợp đồng đảm bảo và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3  
Khối 3, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.17 Vốn chủ sở hữu  
a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	13.197.100.000	8.860.000	2.544.508.710	3.272.069.288	19.022.537.998
Lãi trong năm trước	-	-	-	254.514.885	254.514.885
Số dư tại 31/12/2024	13.197.100.000	8.860.000	2.544.508.710	3.526.584.173	19.277.052.883
Số dư tại 01/01/2025	13.197.100.000	8.860.000	2.544.508.710	3.526.584.173	19.277.052.883
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(4.035.320.776)	(4.035.320.776)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(25.451.488)	(25.451.488)
Số dư tại 30/6/2025	13.197.100.000	8.860.000	2.544.508.710	(534.188.091)	15.216.280.619

(i) Theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2025 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 25.451.488 VND.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	2.639.420.000	2.639.420.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển TBG	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cổ đông khác	9.557.680.000	9.557.680.000
Tổng	13.197.100.000	13.197.100.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	13.197.100.000	13.197.100.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	13.197.100.000	13.197.100.000

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>1.319.710</b>	<b>1.319.710</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>1.319.710</b>	<b>1.319.710</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.319.710	1.319.710
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>1.319.710</b>	<b>1.319.710</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.319.710	1.319.710
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ**

	30/6/2025	01/01/2025
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
USD	942,04	942,04

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	46.021.874.153	31.827.320.518
Doanh thu bán hàng	10.295.153.492	21.947.771.010
Doanh thu cung cấp dịch vụ	267.000.000	244.994.775
<b>Tổng</b>	<b>56.584.027.645</b>	<b>54.020.086.303</b>

*Trong đó:*

*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đối với các bên liên quan*

*(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)*

288.000.000

3.584.983.549



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	42.667.269.441	28.600.335.318
Giá vốn bán hàng	10.286.525.301	22.168.316.455
Giá vốn cung cấp dịch vụ	131.593.860	156.948.378
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	739.699.011	-
<b>Tổng</b>	<b>53.825.087.613</b>	<b>50.925.600.151</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	82.208.702	29.074.247
Lãi bán hàng trả chậm	131.005.266	215.609.739
<b>Tổng</b>	<b>213.213.968</b>	<b>244.683.986</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền vay	2.702.950.792	1.539.462.115
Chi phí lãi chậm thanh toán	10.839.259	41.309.620
<b>Tổng</b>	<b>2.713.790.051</b>	<b>1.580.771.735</b>

*Trong đó: Chi phí tài chính với các bên liên quan  
(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)*

*10.839.259 49.863.015*

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.236.844.794	1.422.432.533
Chi phí nhân viên quản lý	873.951.913	510.895.250
Chi phí đồ dùng văn phòng	59.208.531	47.480.045
Chi phí khấu hao TSCĐ	132.961.334	71.795.240
Thuế phí và lệ phí	218.587.081	179.392.589
Chi phí dự phòng	1.885.039.678	(265.859.754)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	203.360.483	387.762.848
Chi phí bằng tiền khác	863.735.774	490.966.315
<b>Tổng</b>	<b>4.236.844.794</b>	<b>1.422.432.533</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập khác	36.906.822	64.507.342
<b>Tổng</b>	<b>36.906.822</b>	<b>64.507.342</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Xử lý thiếu khi kiểm kê	-	9.846.635
Các khoản phạt chậm nộp thuế, BHXH	31.923.605	21.186.860
Chi phí khác	61.823.148	63.798.250
<b>Tổng</b>	<b>93.746.753</b>	<b>94.831.745</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(56.839.931)</b>	<b>(30.324.403)</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(4.035.320.776)</b>	<b>305.641.467</b>
Các khoản điều chỉnh tăng:	2.693.697.759	830.651.249
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	72.955.669	15.653.621
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020	2.620.742.090	814.997.628
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(1.341.623.017)</b>	<b>1.136.292.716</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>227.258.543</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại) VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty</b>	<b>(4.035.320.776)</b>	<b>78.382.924</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(12.725.744)
<i>Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(12.725.744)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>(4.035.320.776)</b>	<b>65.657.180</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	1.319.710	1.319.710
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (*)</b>	<b>(3.057,73)</b>	<b>49,75</b>

(\*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích các quỹ này. Nếu loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025, lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 trình bày lại do trong năm 2025 Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2025 của Công ty theo đó trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 25.451.488 đồng. Do đó việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2024 được trừ đi ½ số trích trên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 từ 59,39 VND/cổ phiếu xuống còn 49,75 VND/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Đã trình bày) VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>78.382.924</b>	<b>78.382.924</b>	<b>-</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(12.725.744)	(12.725.744)
<i>Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(12.725.744)	(12.725.744)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>78.382.924</b>	<b>65.657.180</b>	<b>(12.725.744)</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	1.319.710	1.319.710	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>59,39</b>	<b>49,75</b>	<b>(9,64)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**6.8 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại) VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty</b>	<b>(4.035.320.776)</b>	<b>78.382.924</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(12.725.744)
<i>Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(12.725.744)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>(4.035.320.776)</b>	<b>65.657.180</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	1.319.710	1.319.710
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung (*)	2.080.290	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(1.186,86)</b>	<b>49,75</b>

(\*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/5/2025 đã thống nhất thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ trong năm 2025. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là 2.080.290 cổ phiếu, giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị phát hành dự kiến 20.802.900.000 VND. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty vẫn chưa hoàn thành các thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ, thời gian thực hiện dự kiến là sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Đồng thời, cũng theo Nghị quyết trên Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua hủy kế hoạch chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/VNECO3-ĐHĐCĐ ngày 16/06/2024 và Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/VNECO3-ĐHĐCĐ ngày 22/11/2024. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu trình bày cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 được trình bày lại. Cụ thể như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Đã trình bày) VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty</b>	<b>78.382.924</b>	<b>78.382.924</b>	<b>-</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(12.725.744)	(12.725.744)
<i>Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(12.725.744)	(12.725.744)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>78.382.924</b>	<b>65.657.180</b>	<b>(12.725.744)</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	1.319.710	1.319.710	-
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung	1.319.710	-	(1.319.710)
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>29,70</b>	<b>49,75</b>	<b>20,05</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.585.823.672	4.105.790.741
Chi phí nhân công	3.595.563.164	2.937.087.919
Chi phí khấu hao tài sản cố định	355.623.613	381.730.447
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.230.189.714	27.111.201.707
Chi phí khác bằng tiền	3.246.851.780	2.524.000.968
Chi phí dự phòng	2.624.738.689	(265.859.754)
<b>Tổng</b>	<b>77.638.790.632</b>	<b>36.793.952.028</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

*Danh sách các bên liên quan của Công ty*

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Cùng ảnh hưởng bởi cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Cùng ảnh hưởng bởi cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Cùng ảnh hưởng bởi cổ đông lớn
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Cùng ảnh hưởng bởi cổ đông lớn
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Cùng ảnh hưởng bởi cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Cùng ảnh hưởng bởi cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Cùng ảnh hưởng bởi cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Cùng ảnh hưởng bởi cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO	Cùng ảnh hưởng bởi cổ đông lớn
Công ty Cổ phần VNECO - RME	Cùng ảnh hưởng bởi cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Cùng ảnh hưởng bởi cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

Nội dung	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Lương, thù lao	382.910.811	426.224.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc (Tiếp theo)**

Họ và tên	Chức vụ	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		<b>55.000.000</b>	<b>171.610.000</b>
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	15.000.000	123.610.000
Ông Trần Đức Thanh	Ủy viên	12.000.000	12.000.000
Ông Trương Thường Thịnh	Ủy viên	12.000.000	12.000.000
Bà Võ Hồng Cẩm Tú	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 05/5/2025)	8.000.000	12.000.000
Ông Bùi Quang Thành	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 05/5/2025)	8.000.000	12.000.000
<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>21.600.000</b>	<b>21.600.000</b>
Ông Nguyễn Thế Tam	Trưởng ban	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Vinh	Thành viên	4.800.000	4.800.000
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên	4.800.000	4.800.000
<b>Ban Giám đốc</b>		<b>306.310.811</b>	<b>233.014.000</b>
Ông Trần Đức Thanh	Giám đốc	172.690.443	111.460.000
Ông Nguyễn Văn Trọng	Phó Giám đốc	133.620.368	62.196.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Giám đốc	-	59.358.000

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Vay</b>			-	<b>100.000.000</b>
Trần Đức Dũng	Quan hệ với nhân sự quản lý chủ chốt	Vay	-	100.000.000
<b>Trả vay</b>			-	<b>100.000.000</b>
Trần Đức Dũng	Quan hệ với nhân sự quản lý chủ chốt	Trả vay	-	100.000.000
<b>Bán hàng</b>			<b>288.000.000</b>	<b>3.584.983.549</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông lớn	Thi công xây lắp	-	3.522.983.549
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Cùng ảnh hưởng bởi cổ đông lớn	Thi công xây lắp	-	62.000.000
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Cùng ảnh hưởng bởi cổ đông lớn	Thi công xây lắp	288.000.000	-
<b>Mua hàng</b>			<b>8.000.000</b>	<b>44.528.210</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông lớn	Mua dịch vụ	-	19.180.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Cùng ảnh hưởng bởi cổ đông lớn	Mua dịch vụ	8.000.000	25.348.210
<b>Chi phí tài chính</b>			<b>10.839.259</b>	<b>49.863.015</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông lớn	Lãi vay và lãi chậm trả	10.839.259	49.863.015



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải thu của khách hàng</b>			<b>14.652.376.443</b>	<b>15.993.185.898</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	14.330.332.286	15.912.991.341
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Cùng ảnh hưởng bởi cổ đông lớn	Bán hàng hóa	11.004.157	80.194.557
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Cùng ảnh hưởng bởi cổ đông lớn	Thi công xây lắp	311.040.000	-
<b>Trả trước người bán</b>			<b>637.900.680</b>	<b>721.021.249</b>
Công ty CP Xây dựng điện VNECO4	Cùng ảnh hưởng bởi cổ đông lớn	Bán hàng hóa	637.900.680	721.021.249
<b>Phải trả người bán</b>			<b>2.981.985.604</b>	<b>2.971.146.345</b>
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông lớn	Mua hàng hóa	2.981.985.604	2.971.146.345
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>			<b>1.241.478.230</b>	<b>1.252.317.489</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông lớn	Lãi thu xếp vốn thiết bị và vật tư	1.241.478.230	1.252.317.489

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Khối 3, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 như sau:

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động bán hàng và dịch vụ khác	Đơn vị tính: VND
Doanh thu thuần	46.021.874.153	10.562.153.492	56.584.027.645
Giá vốn	43.406.968.452	10.418.119.161	53.825.087.613
Lợi nhuận gộp từ kết quả kinh doanh	2.614.905.701	144.034.331	2.758.940.032
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG			
Kết quả bộ phận	2.614.905.701	144.034.331	2.758.940.032
Doanh thu hoạt động tài chính			213.213.968
Chi phí tài chính			(2.713.790.051)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(4.236.844.794)
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD			(56.839.931)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Lợi nhuận trong kỳ			(4.035.320.776)

Lợi nhuận trong kỳ

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 như sau:

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động bán hàng và dịch vụ khác	Đơn vị tính: VND
Doanh thu	31.827.320.518	22.192.765.785	54.020.086.303
Giá vốn	28.600.335.318	22.325.264.833	50.925.600.151
Lợi nhuận gộp từ kết quả kinh doanh	3.226.985.200	(132.499.048)	3.094.486.152
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG			
Kết quả bộ phận	3.226.985.200	(132.499.048)	3.094.486.152
Doanh thu hoạt động tài chính			244.683.986
Chi phí tài chính			(1.580.771.735)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(1.422.432.533)
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD			(30.324.403)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(227.258.543)
Lợi nhuận trong kỳ			78.382.924



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**  
Khởi 3, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại 30/6/2025 như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Đơn vị tính: VND	Hoạt động xây lắp	Hoạt động bán hàng và dịch vụ khác
TÀI SẢN			
Tài sản bộ phận		139.337.644.347	15.332.845.360
Tài sản không phân bổ			
<b>Tổng tài sản</b>			<b>170.517.172.077</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Nợ phải trả của các bộ phận		129.557.232.309	14.803.968.740
Nợ phải trả không thể phân bổ			
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>155.300.891.458</b>

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2025 như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Đơn vị tính: VND	Hoạt động xây lắp	Hoạt động bán hàng và dịch vụ khác
TÀI SẢN			
Tài sản bộ phận		147.407.037.786	14.215.158.804
Tài sản không phân bổ			
<b>Tổng tài sản</b>			<b>193.214.198.881</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Nợ phải trả của các bộ phận		144.686.926.290	15.499.107.854
Nợ phải trả không thể phân bổ			
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>173.937.145.998</b>

AM + 2/9/11

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.3 Thông tin khác**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/5/2025 đã thống nhất thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ trong năm 2025. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là 2.080.290 cổ phiếu, giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị phát hành dự kiến 20.802.900.000 VND và thời gian dự kiến phát hành trong năm 2025 sau khi được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận.

Tại ngày phát hành Báo cáo này, Công ty vẫn chưa hoàn thành các thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ.

**7.4 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Nghệ An, ngày 24 tháng 10 năm 2025  
Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng



Bùi Đức Long



Bùi Đức Long



Trần Đức Thanh

